

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **07** /2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý và thực hiện
Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,
Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia.

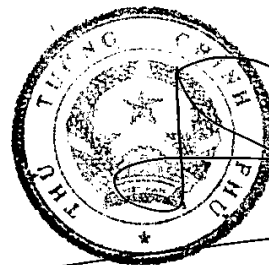
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2015.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b). **xst 140**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
Quản lý và thực hiện
Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /2015/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý và thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia (sau đây gọi tắt là Chương trình).
2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện các đề án, dự án thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là Đơn vị chủ trì), cơ quan quản lý Chương trình và các đối tượng thụ hưởng Chương trình.

Điều 2. Đơn vị chủ trì

1. Đơn vị chủ trì là cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử Trung ương, các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử địa phương và Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam.
2. Các Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp để triển khai thực hiện đề án và có trách nhiệm quyết toán kinh phí theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 7 Quy chế này.
3. Các Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí từ nguồn vốn đầu tư phát triển để triển khai các dự án và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
4. Đơn vị chủ trì được ký hợp đồng với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để thực hiện các hạng mục công việc thuộc nội dung đề án.

Điều 3. Đối tượng thụ hưởng Chương trình

Đối tượng thụ hưởng Chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động ứng dụng hoặc hỗ trợ hoạt động ứng dụng thương mại điện tử.

Điều 4. Cơ quan quản lý nhà nước của Chương trình

1. Bộ Công Thương là cơ quan được Chính phủ giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương phổ biến định hướng phát triển thương mại điện tử theo chiến lược, quy hoạch và các kế hoạch phát triển thương mại điện tử được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hàng năm công bố danh mục các lĩnh vực ưu tiên tập trung phát triển thương mại điện tử theo Chương trình;

c) Hướng dẫn xây dựng đề án và thẩm định dự án theo quy định tại Quy chế này;

d) Phê duyệt danh mục các đề án, dự án để tổng hợp vào Chương trình;

đ) Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình;

e) Tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện các đề án thuộc Chương trình, đánh giá sự phù hợp với mục tiêu của từng đề án và mục tiêu tổng thể Chương trình;

g) Quản lý kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước giao để thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia;

h) Tổng hợp đánh giá kết quả, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng thẩm định các đề án, dự án thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do một lãnh đạo Bộ Công Thương làm chủ tịch; thành phần bao gồm đại diện Bộ Công Thương và đại diện các Bộ, ngành liên quan. Hội đồng có nhiệm vụ thẩm định các đề án, dự án do các Đơn vị chủ trì xây dựng. Hội đồng có thể mời và tham khảo ý kiến chuyên gia trong quá trình thẩm định.

3. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin là đơn vị giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý Chương trình, có nhiệm vụ hướng dẫn việc xây dựng, tiếp nhận, đánh giá sơ bộ các đề án theo quy định tại Quy chế này; tổng hợp gửi Hội đồng để thẩm định; tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án; tổ chức nghiệm thu các đề án; tổng kết, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương; tiếp nhận và quản lý kinh phí nhà nước cấp cho Chương trình.

Điều 5. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo kế hoạch, bao gồm nguồn vốn đầu tư phát triển và nguồn vốn sự nghiệp;

- b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí chi thường xuyên thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương, hỗ trợ đối tượng thụ hưởng thông qua Đơn vị chủ trì;

b) Kinh phí chi đầu tư phát triển thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi đầu tư phát triển hàng năm của cơ quan quản lý dự án đầu tư.

Điều 6. Tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước cho các dự án thuộc Chương trình

1. Các dự án xây dựng và phát triển hạ tầng thương mại điện tử có quy mô và mục tiêu bảo đảm sự kết nối và liên thông cấp vùng, cấp quốc gia thuộc tất cả các ngành, lĩnh vực được hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước đối với từng dự án cụ thể phải phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Ưu tiên bố trí kinh phí đối ứng của nhà nước từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho các dự án xây dựng và phát triển hạ tầng thương mại điện tử quốc gia thực hiện theo hình thức đối tác công tư.

4. Việc quản lý, phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các dự án thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 7. Quản lý kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp cho Chương trình

1. Bộ Công Thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương, trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi được Bộ Tài chính thông báo dự toán chi ngân sách cho Chương trình, Bộ trưởng Bộ Công Thương tiến hành phê duyệt Chương trình và kinh phí được hỗ trợ theo nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án của Chương trình không vượt quá dự toán được phê duyệt.



3. Căn cứ quyết định phê duyệt Chương trình của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin (Bộ Công Thương) ký hợp đồng thực hiện các đề án thuộc Chương trình với các Đơn vị chủ trì và thành, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hợp đồng đã ký; trực tiếp thực hiện các đề án thuộc Chương trình do Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin (Bộ Công Thương) chủ trì.

4. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi nghiệm thu đề án theo hợp đồng, đơn vị thực hiện đề án phải hoàn thành hồ sơ quyết toán theo quy định.

5. Việc sử dụng kinh phí Chương trình phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo pháp luật hiện hành và trong phạm vi kinh phí của Đề án đã được phê duyệt theo quy định.

6. Kinh phí chuyển sang năm sau:

a) Kinh phí ngân sách hỗ trợ cho nội dung của Chương trình đang thực hiện dở dang hoặc đã được giao và ký hợp đồng với các đơn vị thực hiện không sử dụng hết được chuyển sang năm sau;

b) Kinh phí ngân sách hỗ trợ cho nội dung Chương trình không được giao hoặc không ký hợp đồng với các đơn vị thực hiện, phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Mục 1

CÁC NỘI DUNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Điều 8. Xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng thương mại điện tử

1. Các nội dung sau đây về xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng thương mại điện tử được hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước:

a) Xây dựng hệ thống thanh toán thương mại điện tử quốc gia;

b) Xây dựng giải pháp thẻ thanh toán thương mại điện tử tích hợp;

c) Xây dựng hệ thống quản lý trực tuyến hoạt động vận chuyển cho thương mại điện tử;

d) Xây dựng hạ tầng giao dịch thương mại điện tử doanh nghiệp – doanh nghiệp (B2B).

2. Các hoạt động được sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước bao gồm:

a) Mua sắm trang thiết bị;

b) Xây dựng phần mềm và thiết kế hệ thống công nghệ thông tin và giao dịch điện tử;

c) Tư vấn, tập huấn, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức tham gia và sử dụng các hệ thống đã được xây dựng.

3. Mức hỗ trợ: Căn cứ vào mục tiêu, đặc điểm phạm vi của dự án và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn trung hạn 5 năm và hàng năm để xác định mức hỗ trợ kinh phí từ Ngân sách Trung ương đối với từng dự án cụ thể.

Mục 2

CÁC NỘI DUNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP

Điều 9. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử

1. Các hoạt động về tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử bao gồm:

a) Xây dựng các chương trình hoặc chuyên mục về thương mại điện tử trên báo giấy, báo điện tử, phát thanh, truyền hình;

b) Xuất bản các ấn phẩm về thương mại điện tử;

c) Tổ chức truyền thông về thương mại điện tử trên mạng xã hội hay các hình thức truyền thông xã hội khác;

d) Tổ chức hội thảo, triển lãm ở trong nước về thương mại điện tử;

đ) Xây dựng và quảng bá chỉ số phát triển thương mại điện tử;

e) Xây dựng và tổ chức thực hiện giải thưởng quốc gia về thương mại điện tử.

2. Mức hỗ trợ tối đa 100% áp dụng cho các nội dung quy định tại điểm b, c, đ và e khoản 1 Điều này; mức hỗ trợ tối đa 70% áp dụng cho các nội dung quy định tại điểm a và d khoản 1 Điều này.

Điều 10. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử

1. Các hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử bao gồm:

a) Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong nước cho doanh nghiệp về thương mại điện tử theo địa phương và lĩnh vực kinh doanh, mỗi khóa đào tạo, tập huấn có tối thiểu 100 học viên tham dự;

b) Xây dựng hệ thống học liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập về thương mại điện tử;

c) Xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình đào tạo thương mại điện tử có nội dung phù hợp với nhu cầu thực tiễn và đối tượng đào tạo.

2. Mức hỗ trợ tối đa 100% áp dụng cho các nội dung quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều này trong trường hợp đối tượng thụ hưởng là cán bộ cơ quan quản lý nhà nước; mức hỗ trợ tối đa 70% áp dụng cho nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và các nội dung quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 trong trường hợp đối tượng thụ hưởng không phải là cán bộ cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 11. Phát triển các sản phẩm, giải pháp thương mại điện tử

1. Phát triển các sản phẩm, giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước triển khai ứng dụng thương mại điện tử:

a) Giải pháp bán hàng trực tuyến hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, phân theo mô hình hoạt động hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Sàn giao dịch thương mại điện tử, trên đó có ít nhất 300 doanh nghiệp tham gia;

c) Các giải pháp ứng dụng thương mại điện tử trên nền tảng thiết bị di động, mỗi giải pháp phải đáp ứng yêu cầu tại cùng thời điểm có ít nhất 500 người sử dụng;

d) Các giải pháp để phát triển nội dung số cho thương mại điện tử;

đ) Các chương trình, giải pháp để xây dựng thương hiệu trực tuyến cho hàng hóa, dịch vụ chủ lực của Việt Nam;

e) Bộ giải pháp đáp ứng đơn hàng trực tuyến để các doanh nghiệp vừa và nhỏ triển khai ứng dụng;

g) Giải pháp bảo mật và an toàn thông tin cho các giao dịch điện tử;

h) Các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến để hỗ trợ cho cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, mỗi ứng dụng có ít nhất 100 đơn vị sử dụng;

i) Các tiêu chuẩn trao đổi thông điệp dữ liệu trong thương mại điện tử;

k) Các mô hình thí điểm hỗ trợ việc nghiên cứu, xây dựng các hệ thống hạ tầng thương mại điện tử và các phần mềm ứng dụng vận hành trên những hệ thống này;

l) Hệ thống bảo đảm lòng tin cho hoạt động mua sắm trực tuyến và cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến.

2. Các hoạt động về phát triển sản phẩm, giải pháp thương mại điện tử bao gồm:

- a) Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển giải pháp;
- b) Xây dựng phần mềm và thiết kế hệ thống để vận hành các giải pháp thương mại điện tử;
- c) Tư vấn, tập huấn, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức tham gia và sử dụng các sản phẩm, giải pháp thương mại điện tử;
- d) Duy trì, vận hành và phát triển người dùng trong hai năm đầu cho các sản phẩm, giải pháp đã được xây dựng.

3. Mức hỗ trợ tối đa 70% được áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 12. Tư vấn xây dựng kế hoạch ứng dụng thương mại điện tử

1. Các hoạt động về tư vấn xây dựng kế hoạch ứng dụng thương mại điện tử bao gồm:

- a) Tổ chức điều tra, khảo sát, thống kê về tình hình ứng dụng thương mại điện tử của cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức;
- b) Nghiên cứu thị trường có liên quan đến thương mại điện tử;
- c) Nghiên cứu, xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển thương mại điện tử theo địa phương và lĩnh vực kinh doanh.

2. Mức hỗ trợ tối đa 100% được áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Hợp tác quốc tế về thương mại điện tử

1. Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về thương mại điện tử dưới các hình thức:

- a) Hoạt động hợp tác quốc tế về thương mại điện tử tại các tổ chức kinh tế, thương mại quốc tế;
- b) Hoạt động hợp tác song phương hoặc đa phương nhằm thúc đẩy thương mại điện tử xuyên biên giới và thương mại phi giấy tờ.

2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về thương mại điện tử bao gồm:

- a) Tổ chức đoàn tham gia các phiên họp, hội thảo, sự kiện về thương mại điện tử tại các tổ chức kinh tế, thương mại quốc tế;



b) Tổ chức đoàn trao đổi, nghiên cứu để xây dựng các cơ chế hợp tác song phương với các nước, vùng lãnh thổ nhằm thúc đẩy thương mại điện tử xuyên biên giới và thương mại phi giấy tờ.

3. Mức hỗ trợ tối đa 100% được áp dụng cho cán bộ của cơ quan quản lý nhà nước; mức hỗ trợ tối đa 50% được áp dụng cho cán bộ của doanh nghiệp, tổ chức tham gia các hoạt động nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 14. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động phát triển thương mại điện tử

1. Các hoạt động về nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động phát triển thương mại điện tử bao gồm:

a) Tổ chức các khóa tập huấn ngắn hạn trong nước cho các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử;

b) Tham gia các khóa tập huấn ngắn hạn ở nước ngoài cho các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử;

c) Xuất bản tài liệu hướng dẫn, tài liệu tham khảo kinh nghiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử tại các quốc gia phát triển.

2. Mức hỗ trợ tối đa 100% được áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Các hoạt động khác

Các hoạt động khác thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia và mức hỗ trợ do Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

Chương III XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Mục 1 LẬP VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Điều 16. Lập và thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia

1. Nội dung đề xuất chủ trương đầu tư và thực hiện đầu tư các dự án xây dựng và phát triển hạ tầng thương mại điện tử sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển áp dụng theo các quy định hiện hành về sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

2. Quy trình thẩm định dự án:

a) Đơn vị chủ trì dự án gửi dự án đến Hội đồng thẩm định trước ngày 31 tháng 3 của năm trước năm kế hoạch. Trước ngày 31 tháng 5 cùng năm, Hội đồng thẩm định thông báo cho Đơn vị chủ trì dự án về kết quả thẩm định.

b) Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định là nội dung bắt buộc trong hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án.

3. Tỷ lệ vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước của dự án phải bảo đảm tiến độ thực hiện và phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực trong kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm.

Mục 2 **XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN** **CÁC ĐỀ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP**

Điều 17. Xây dựng đề án

1. Các Đơn vị chủ trì xây dựng đề án bao gồm những nội dung sau:

- a) Thuyết minh kinh nghiệm, năng lực của Đơn vị chủ trì;
- b) Sự cần thiết và tính phù hợp của đề án;
- c) Các nội dung hoạt động;
- d) Dự toán kinh phí chi tiết, mức hỗ trợ đề nghị từ nguồn kinh phí Chương trình, nguồn kinh phí đối ứng (nếu có);
- đ) Tiến độ thực hiện;
- e) Kết quả và các sản phẩm dự kiến;
- g) Đánh giá hiệu quả và tác động của đề án.

2. Các đề án phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với nhu cầu phát triển thương mại điện tử của doanh nghiệp và cộng đồng;
- b) Phù hợp với định hướng phát triển thương mại điện tử đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển các vùng kinh tế, ngành, địa phương đã được Chính phủ phê duyệt;

d) Phù hợp với các nội dung của Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia từng giai đoạn do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

đ) Bảo đảm tính khả thi về: phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;

e) Đối với các đề án mà quá trình thực hiện kéo dài qua 2 năm tài chính, Đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.

Điều 18. Tiếp nhận, đánh giá đề án

1. Đơn vị chủ trì gửi đề án đến Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin (Bộ Công Thương) trước ngày 31 tháng 3 của năm trước năm kế hoạch.

2. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin căn cứ vào các yêu cầu, tiêu chí lựa chọn đề án, đánh giá nội dung các đề án và tổng hợp gửi Hội đồng thẩm định.

Điều 19. Thẩm định, phê duyệt đề án

1. Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định các đề án do Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin tổng hợp.

2. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

Điều 20. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện đề án

1. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt thực hiện đề án đã được phê duyệt, các Đơn vị chủ trì phải có văn bản giải thích rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh gửi Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin thẩm định.

2. Trường hợp cần thay đổi nội dung đề án cho phù hợp với yêu cầu và tình hình cụ thể, trên cơ sở văn bản đề nghị của Đơn vị chủ trì, Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

3. Trường hợp Đơn vị chủ trì không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp, Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện đề án.

4. Trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành đề án trong năm kế hoạch, Đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

5. Sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án, Bộ Công Thương thực hiện việc điều chuyển kinh phí còn dư (nếu có) để bổ sung cho các đề án đã phê duyệt phát sinh tăng kinh phí, các đề án mới.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của các Bộ

1. Bộ Công Thương

- a) Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này
- b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật;
- c) Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền;
- d) Tổng kết việc thực hiện Quy chế; báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.

2. Bộ Tài chính:

- a) Bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các nội dung hoạt động của Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;
- b) Phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- a) Bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện các dự án đầu tư thuộc nội dung Chương trình;
- b) Phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

Điều 22. Trách nhiệm của Đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong hợp đồng đã ký; bảo đảm sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.
2. Gửi báo cáo về tình hình thực hiện đề án hàng năm về Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin trước ngày 01 tháng 12 năm đó.
3. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin chính xác liên quan đến tình hình thực hiện đề án và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

Điều 23. Tổ chức kiểm tra, thực hiện Chương trình

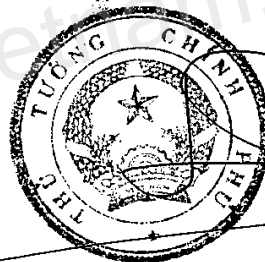
1. Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra định kỳ, đột xuất; đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình được thực hiện đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Bộ Công Thương không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với Đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 22 Quy chế này.

3. Bộ Công Thương không tiếp nhận đề án trong 3 năm kế tiếp trong trường hợp Đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 3 Điều 22 Quy chế này.

4. Các tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành./.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng